

Số: 1138/TB-NĐND

Lạng Sơn, ngày 19 tháng 5 năm 2025

THÔNG BÁO GIA HẠN THỜI GIAN NỘP BÁO GIÁ
Mời khảo sát và báo giá thiết bị vật tư Bơm, quạt, vít ,.... phục vụ lập dự
toán SCL năm 2026

Kính gửi: Các nhà cung cấp quan tâm

Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV xin gửi lời trân trọng và hợp tác đối với các nhà cung cấp quan tâm!

Công ty Nhiệt điện Na Dương -TKV đã có văn bản số 968/TMBG-NĐND ngày 28/4/2025 về việc Mời khảo sát và báo giá thiết bị vật tư Bơm, quạt, vít ,.... phục vụ lập dự toán SCL năm 2026 với thời hạn nộp báo giá trước 15/5/2025.

Để có thêm thời gian cho các nhà cung cấp thực hiện khảo sát và báo giá Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV thông báo gia hạn thời gian nộp báo giá thiết bị theo công văn số 968/TMBG-NĐND ngày 28/4/2025 cụ thể như sau:

- Thời gian nộp báo giá sau gia hạn: chậm nhất ngày 25/5/2025

Các thông tin khác vẫn giữ nguyên không thay đổi theo công văn số 968/TMBG -NĐND ngày 28/4/2025.

Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV trân trọng thông báo biết và tham gia báo giá. Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của nhà cung cấp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (e-copy);
- Các PGĐ, KTT (e-copy);
- Phòng KTAT (e-copy);
- Đăng tải TKV, ĐLTKV;
- Lưu: VP, KHĐTVT, VH(04).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Việt Anh

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG - TKV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 968 /TMBG-NĐND

Lạng Sơn, ngày 28 tháng 4 năm 2025

V/v : Mời khảo sát và báo giá thiết bị vật tư Bơm,
quạt, vít ,.... phục vụ lập dự toán SCL năm 2026

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp quan tâm

Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV xin gửi lời trân trọng và hợp tác đối với các nhà cung cấp quan tâm!

Công ty Nhiệt điện Na Dương –TKV đang có nhu cầu khảo sát giá và báo giá một số thiết bị thuộc công trình sửa chữa TSCĐ năm 2026 của Nhà máy Nhiệt điện Na Dương -TKV cụ thể như sau:

1. Yêu cầu về tư cách, kinh nghiệm và năng lực của nhà cung cấp báo giá

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ Giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng kinh doanh có điều kiện (nếu có) (bản sao công chứng hoặc bản sao có dấu đỏ của doanh nghiệp)

- Báo giá ghi rõ Tên, số điện thoại, email của người cung cấp báo giá

2. Yêu cầu về thiết bị:

- Chi tiết thiết bị: Bao gồm các nội dung tên thiết bị vật tư, thông số kỹ thuật/ quy cách vật tư, số lượng chi tiết như phụ lục đính kèm

- Các thiết bị mới 100% chưa qua sử dụng, có nguồn gốc xuất xứ, có mác mã, thông số kỹ thuật rõ ràng, hàng hóa được sản xuất từ năm 2024 đến nay;

+ Thiết bị tương đương với thiết bị đang có của nhà máy NĐ Na Dương.

3. Các yêu cầu về thương mại:

- Tiến độ giao hàng: do nhà cung cấp đề xuất

- Địa điểm giao hàng: Kho nhà máy nhiệt điện Na Dương.

- Hiệu lực của bản chào giá: 60 ngày kể từ ngày phát hành.

- Giá cố định, bao gồm thuế, phí (nếu có) đến nhà máy nhiệt điện Na Dương.

4 . Hình thức báo giá:

- Bản báo giá và biểu báo giá phải do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp báo giá ký tên, đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của nhà cung cấp kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

- Bản báo giá và các tài liệu kèm theo phải được gửi trong phong bì dán kín ghi nội dung báo giá, có niêm phong và gửi trực tiếp về Phòng Kế hoạch Đầu tư Vật tư – Công ty Nhiệt điện Na Dương – khu 4 thị trấn Na Dương-Lộc Bình- Lạng Sơn: Điện thoại: 02053.844.263.

Đồng thời nhà cung cấp báo giá gửi báo giá chi tiết (bản mềm và bdf) và tài liệu về địa chỉ email: naduong@vinacominpowers.vn và kehoachndpc@gmail.com

Thời hạn kết thúc nhận báo giá: trước ngày 15/5/2025. Các nhà cung cấp có nhu cầu xin file mềm báo giá thì gửi về địa chỉ email nêu trên.

(Ghi chú: Nhà cung cấp báo giá vui lòng cập nhật mẫu biểu như đính kèm công văn không thêm bớt cột, dòng)

Ông Nguyễn Duy Thảo

Chức vụ: Phó trưởng phòng KHĐTVT

SĐT: 0986.761.888

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của nhà cung cấp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (e-copy);
- Các PGĐ, KTT (e-copy);
- Phòng KTAT (e-copy);
- Đăng tải TKV;;
- Lưu: VP, KHĐTVT, VH(04).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Việt Anh



PHỤ LỤC NHU CẦU BÁO GIÁ

(Kèm theo công văn số **968**/NDND-KHĐT-VT ngày tháng 4 năm 2025

Tên gói 5 Bơm, quạt và máy các loại												
STT	Mã hệ thống	Mã thiết bị/Mã vật tư	Mã thành phần	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Yêu cầu về hãng sản xuất, Xuất xứ, năm sản xuất nhà máy đang sử dụng	Đơn vị	Khối lượng lắp	Đơn giá trước thuế	Thành tiền	Tiến độ giao hàng	Ghi chú
1	PLH.KG1	LH.01.02.02.01	VTC SC.517124.48	Quạt thổi cao áp Quạt	Type: BE200; Công suất: 35.2m3/phút; Áp suất đầu đẩy 58.8 kPa; Kiểu truyền động dây đai; Động cơ: Type: TIKK-FBKW21; Công suất: 55kW x 4P x 400V x 50Hz; Lớp cách điện: F -Bao gồm cả quạt và động cơ tương thích hoàn toàn và thay thế trực tiếp cho thiết bị hiện hữu đang sử dụng trong hệ thống mà không yêu cầu cải tạo, điều chỉnh phần cứng, phần mềm, hay viết lại giao diện điều khiển.	ANLET CO	Bộ	1				

2	<u>PNL_KN</u>	PT.01.04.01	VTC KN7	Máy nén khí kiểu trục vít:có dầu	- Áp suất làm việc : $\geq 7 \text{ Kg/cm}^2$ - Lưu lượng khí : $\geq 35 \text{ m}^3/\text{phút}$ (tại áp lực 7 kg/cm^2) - Động cơ máy nén: - Công suất : $\leq 250/185 \text{ HP/kW}$; - Điện áp: 400 V - Tần số 50 Hz; - Cấp Cách điện: F; - Cấp bảo vệ : IP56 - Bộ khởi động : Y-Δ - Bộ làm mát khí và dầu: + Môi chất làm mát: Nước (áp lực đầu vào từ $2\text{-}5 \text{ kg/cm}^2$) - Bình phân ly: Hỗn hợp dầu và khí; - Yêu cầu kỹ thuật khác: - Lắp đặt: Kết nối phù hợp, đồng bộ với hệ thống khí nén, hệ thống phụ trợ, hệ thống điện bao gồm cả mạch lực và mạch điều khiển hiện có tại vị trí máy nén khí phục vụ D. Trong đó kết nối đường ống nước làm mát vào ra lắp phù hợp với ống DN50, kết nối đường ống khí nén đầu ra lắp phù hợp với ống DN100. Máy nén khí phục vụ được lắp đặt tổ hợp đồng bộ từ nhà sản xuất (bao gồm: phần máy nén, động cơ, bộ phân ly, bộ làm mát, điện động lực, điều khiển, ...được lắp đặt đồng bộ trên bộ đỡ máy)	DAILOAN	Bộ	1						
3	<u>PNL_KN</u>	PT.01.04.01	VTC SC.517124.04.04	Máy sấy khí	- Máy sấy khí kiểu làm lạnh - Công suất : $\leq 8.4 \text{ kW}$ - Điện áp: $380\text{-}400 \text{ V}$; - Tần số 50 Hz; - Lưu lượng : $\geq 44.4 \text{ m}^3/\text{min}$ - Đường kính ống đầu vào, đầu ra : 100 A - Nhiệt độ khí vào lớn nhất : 80°C - Áp suất khí vào lớn nhất : 0.98 MPa; - Nhiệt độ điểm sương: $(2\text{-}10)^\circ \text{C}$ - Gas sử dụng: Các loại gas thân thiện với môi trường - Yêu cầu kỹ thuật khác: - Lắp đặt: Kết nối phù hợp, đồng bộ với hệ thống khí nén, hệ thống phụ trợ, hiện có tại vị trí máy sấy khí phục vụ D. Trong đó kết nối đường ống khí vào ra lắp phù hợp với ống DN125. Máy sấy khí được lắp đặt tổ hợp đồng bộ từ nhà sản xuất (bao gồm: giàn nóng, giàn lạnh, lốc máy nén, quạt làm mát, van xả, bộ điều khiển,....được lắp đặt đồng bộ trên bộ đỡ máy)	DAILOAN	Bộ	1						

4	PNL.KN	PT.01.04.06	VTC KN11	Bơm nước làm mát B	*Động cơ: Type: 3K160M4 - Công suất: 15kW; 380V/3 pha - Tần số: 50Hz; - Số đôi cực: 2P; - Cấp cách điện: F; - Cấp bảo vệ: IP55; - Đường kính trục lắp vòng bi động cơ: Ø40 mm; - Chiều cao tâm trục: 160mm - Kích thước tâm bulong: ngang 250* dọc 210*4-Ø16 mm *Bơm: Type: LT150-20; + Capacity: 150m3/h; + Total head: 20m; + Speed: 1450 rpm; + Bơm trục ngang, làm kín bằng bộ chèn cơ khí; + Chiều cao tâm đầu hút: 160mm; + Kích thước mặt bích đầu hút: Ø150*275*124; tâm bulong Ø240*8-Ø20 (JIS 10K RF 150A); + Kích thước mặt bích đầu đẩy: Ø100*210*122; tâm bulong Ø175*8-Ø20 (JIS 10K RF 100A).	VIỆT NAM	Cái	1				
5	PNL.KN	PT.01.04.09	VTC KN12	Tháp giải nhiệt:	LBC 250 RT trọn bộ bao gồm động cơ quạt hút, bộ chia nước làm mát, tấm chia nước làm mát. được lắp đặt đồng bộ trên bệ đỡ (đính kèm bản vẽ số; 110401-LBC-01)	LiangChi	bộ	1				
6	PNL.KN	PT.01.04.09	VTC KN13	Động cơ quạt hút	- Động cơ quạt hút: Type: DL-YE3-132B3 - Công suất: 5.5kW; 380V/3 pha - Tần số: 50Hz; - Số đôi cực: 6P; - Cấp cách điện: F; - Cấp bảo vệ: IP55;	DAILOAN	Cái	1				
7	PNL.KN1	PT.01.04.09	VTC KN13	Động cơ quạt hút	- Động cơ quạt hút: Type: DL-YE3-132B3 - Công suất: 5.5kW; 380V/3 pha - Tần số: 50Hz; - Số đôi cực: 6P; - Cấp cách điện: F; - Cấp bảo vệ: IP55;	DAILOAN	Cái	1				
8	PNL.KN1	PT.01.04.09	VTC KN14	Tấm chia nước (tấm tản nhiệt);	Màng PVC ĐK3500x600x2 tầng (tháp LBC-250RT)	VIỆT NAM	bộ	2				
9	PH.NĐV	HO.01.12.01.06	VTC+PUMP-DV-LF256F ZK	Bơm ly tâm nằm ngang	Kubota, Model: DV-LF256F ZK, lưu lượng 350m3/h, 1470v/f, cột áp 35m, động cơ 3 pha 55kW-4000V-1500RPM Buồng bơm và cánh bơm bằng vật liệu thép không gỉ (hoặc bơm tương đương)	Kubota,, Nhật Bản	Cái	1				

10	PH.NT	HO.01.12.01.03	VTC+PUMP50-13	Bơm ly tâm nằm ngang	Kirloskar Brothers LTD, Model: CPHM 50/13, lưu lượng 40m ³ /h, cột áp 1.6kg/cm ² , động cơ 3 pha 3.7kW/2P-2900RPM-380V-50Hz, Buồng bơm và cánh bơm bằng vật liệu thép không rỉ, sử dụng bộ chèn cơ khí, gối ổ bôi trơn bằng dầu (hoặc bơm tương đương)	Kirloskar Brothers LTD - INDIA	Cái	1				
11	PH.NT	HO.01.12.01.04	VTC+PUMP50-20	Bơm ly tâm nằm ngang	Kirloskar Brothers LTD, Model: CPHM 50/20, lưu lượng 50m ³ /h, cột áp 3.5kg/cm ² , động cơ 3 pha 11kW/2P-2900RPM-380V-50Hz, Buồng bơm và cánh bơm bằng vật liệu thép không rỉ, sử dụng bộ chèn cơ khí, gối ổ bôi trơn bằng dầu (hoặc bơm tương đương)	Kirloskar Brothers LTD - INDIA	Cái	1				
12	PH.NT	HO.01.12.05.02	VTC+SC.517123.01.08	Bơm định lượng	Model: M155PPSV, lưu lượng 155 l/h, áp lực 10bar, công suất động cơ 0,37kW (hoặc bơm tương đương)	OBL - Ý	Cái	1				
13	PH.NT	HO.01.12.05.03	VTC+SC.517123.31	Bơm định lượng	Model GM0400PQ4MNN SERIAL 0617LN-MROY-4-003 MILTON ROY 400l/h, áp lực 5bar, Công suất động cơ 0,25 kW (hoặc bơm tương đương)	MILTON ROY - INDIA	Cái	1				
14	PH.NT	HO.01.12.03.02	VTC+PUMP SCREW-KDCC40	Bơm trục vít nằm ngang	Screw Pump, Hydro Prokav pumps, Model: KDCC 40, công suất 4m ³ /h, cột áp đầu đẩy 2.5kg/cm ² , điện 3 pha 380V, 1.5 HP/300RPM Geared motor (hoặc bơm tương đương)	Screw -INDIA	Cái	1				
15	PH.KK1	HO.01.12.01.03	VTC+SC.517124.03.92	Bơm ly tâm nằm ngang	Kirloskar CPHM50/16, điện áp 380V, cánh bơm bằng inox, lưu lượng 35m ³ /h, áp lực đầu đẩy 4kg/cm ² , Công suất động cơ: 11kW/2P, 2900 RPM	Kirloskar - INDIA	Cái	1				
16	PH.KK1	HO.01.12.01.03	VTC+PUMP CPHM40/20	Bơm ly tâm nằm ngang	Kirloskar CPHM40/20, điện áp 380V, cánh bơm bằng inox, lưu lượng 25m ³ /h, áp lực đầu đẩy 4,5kg/cm ² , Công suất động cơ: 7,5kW/2P, 2900 RPM	Kirloskar - INDIA	Cái	1				
17	PH.KK1	HO.01.12.01.03	VTC+PUMP CPHM32/20	Bơm ly tâm nằm ngang	Kirloskar CPHM32/20, điện áp 380V, cánh bơm bằng inox, lưu lượng 15m ³ /h, áp lực đầu đẩy 3,5kg/cm ² , Công suất động cơ: 5,5kW/2P, 2900 RPM	Kirloskar - INDIA	Cái	1				
18	PH.KK1	HO.01.12.01.03	VTC+PUMP CPHM40/16	Bơm ly tâm nằm ngang	Kirloskar CPHM40/16, điện áp 380V, cánh bơm bằng inox, 20m ³ /h, áp lực đầu đẩy 3,5kg/cm ² , Công suất động cơ: 5,5kW/2P, 2900 RPM	Kirloskar - INDIA	Cái	1				
19	PH.KK1	HO.01.03.02.04	VTC+Rotary blower-2002	Quạt thổi khí	Quạt 3 pha điện áp 380V, kiểu Twin Lobe Rotary blower, Model: 2002, công suất quạt 0,6m ³ /phút, áp lực đầu đẩy 0,4kg/cm ² , Công suất động cơ: 1HP/2P/1500RPM, hoặc tương đương	INDIA	Cái	1				
20	PH.KK1	HO.01.03.02.02	VTC+Rotary blower-2004	Quạt thổi khí	Quạt 3 pha điện áp 380V, kiểu Twin Lobe Rotary blower, Model: 2004, công suất quạt 1m ³ /phút, áp lực đầu đẩy 0,4kg/cm ² , Công suất động cơ: 2HP/2P/1500RPM, hoặc tương đương	INDIA	Cái	1				



21	PH.XLNT	HO.01.12.01.05	VTC+SC.517124.03.93	Bơm ly tâm nằm ngang	Kirloskar Brothers LTD, Model: CPHM 125/26, lưu lượng 170m3/h, cột áp 1kg/cm2, động cơ 3 pha 380V-50Hz 11kW/4P-1450RPM, Buồng bơm và cánh bơm bằng vật liệu thép không rỉ, sử dụng bộ chèn cơ khí, gối ổ bôi trơn bằng dầu (hoặc bơm tương đương)	Kirloskar -INDIA	Cái	1				
22	PH.XLNT	HO.01.12.01.05	VTC+SC.517124.03.93	Bơm ly tâm nằm ngang	Kirloskar Brothers LTD, Model: CPHM 125/26, lưu lượng 170m3/h, cột áp 1kg/cm2, động cơ 3 pha 380V-50Hz 11kW/4P-1450RPM, Buồng bơm và cánh bơm bằng vật liệu thép không rỉ, sử dụng bộ chèn cơ khí, gối ổ bôi trơn bằng dầu (hoặc bơm tương đương)	Kirloskar -INDIA	Cái	1				
23	PH.XLNT	HO.01.12.01.02	VTC+PUMP CPHM 20/13 QF	Bơm ly tâm nằm ngang	Kirloskar Brothers LTD, Model: CPHM 20/13 QF, lưu lượng 6m3/h, cột áp 1,5kg/cm2, động cơ 3 pha 380V-50Hz 1,1kW/2P-2900RPM, Buồng bơm và cánh bơm bằng vật liệu thép không rỉ, sử dụng bộ chèn cơ khí, gối ổ bôi trơn bằng dầu (hoặc bơm tương đương)	Kirloskar -INDIA	Cái	1				
24	PH.XLNT	HO.01.12.01.02	VTC+SC.517123.32	Bơm định lượng	Model GM0240PQ4MNN SERIAL 0516LN-MROY-5-001 MILTON ROY 235l/h, áp lực 7 bar, Công suất 0,37 kW, điện áp 380V (hoặc bơm tương đương)	MILTON ROY - INDIA	Cái	1				
25	PLH.CT1		VTC CT02	Động cơ liên HGT băng cần	Động cơ liên hộp giảm tốc SWM150V400L-RF220SX, i=1/400; động cơ MIRP-LV: 2,2kW, 400V,4P, (3-60-120)Hz, (90-1800-3480)v/p, Iđm: 4.1+4.6A.	NHATBAN	Bộ	1				
26	PLH.CT1		VTC CT03	Động cơ liên HGT xích gạt	Loại động cơ liên hộp giảm tốc trục rỗng vuông góc D-30, 0,75kW,4P, 400V, i=1/30	NHATBAN	Bộ	2				

27	PLH.TTĐ1	LH.01.06.01.03	VTC SC.517124.63	Vít thải xỉ tro đáy kiểu trục vít làm mát bằng nước (bao gồm cả vít và động cơ + HGT);	Công suất: $\geq 1.6 \text{ m}^3/\text{h}$ (tỷ trọng xỉ đáy $1.2+1.5 \text{ tấn}/\text{m}^3$), ở tốc độ vít thải xỉ $0.74 \text{ vòng}/\text{phút}$, tương ứng tần số động cơ 35Hz; Kích thước: - Tổng chiều dài: 11070 mm; - Chiều dài vít: 9200 mm; - Đường kính đỉnh của cánh vít: 630mm; - Đường kính trong của vỏ vít: 670mm; - Độ nâng: 12°; - Vật liệu của trục vít: thép chịu nhiệt, chịu mài mòn trong môi trường nhiệt độ $800+900^\circ \text{C}$; + Trục đầu vào, trục đầu ra: Thép chịu nhiệt có tính công nghệ hàn tốt; vật liệu 40X. + Ống trục rỗng: Thép dẫn nhiệt và có tính công nghệ hàn tốt; vật liệu 16Mn. + Cánh tải xỉ nóng: Bền nhiệt, chịu va đập, mài mòn và công nghệ hàn tốt; vật liệu SUS 310S. + Cánh tải xỉ: Bền nhiệt, chịu mài mòn và công nghệ hàn tốt; vật liệu SUS 304. + Lốp trong vỏ vít: Thép dẫn nhiệt và có tính công nghệ hàn tốt; vật liệu A515. + Lốp chống mòn đáy $6 \times 1400 \text{ mm}$ (vị trí nhận xỉ): Bền nhiệt, chịu va đập và mài mòn; vật liệu Que hàn Esab OK 84.87. + Cửa vào xỉ: Thép dẫn nhiệt và có tính công nghệ hàn tốt; vật liệu A515. + Cửa ra xỉ: Thép dẫn nhiệt và có tính công nghệ hàn tốt; vật liệu A515. Cụm động cơ liên hợp giảm tốc: tỷ số truyền 1343:1; động cơ điều khiển tốc độ bằng biến tần công suất $2,2 \text{ kW}$; điện áp định mức 400V; tần số 50Hz; 4P; cấp bảo vệ IP54 trở lên; quạt làm mát động cơ sử dụng điện áp $220/380\text{V}$, tần số 50Hz. - Yêu cầu khác: + Nhiệt độ xỉ đầu vào: $800+900^\circ \text{C}$; + Nhiệt độ xỉ đầu ra: $<300^\circ \text{C}$; + Nhiệt độ nước làm mát đầu ra: $<60^\circ \text{C}$; + Lưu lượng nước làm mát: $20 \text{ tấn}/\text{h}$; + Thiết bị lắp đặt phù hợp, đồng bộ với hệ thống thải xỉ đáy hiện có của nhà máy;	Raumaster Oy	Bộ	1				
28	PLH.TTĐ1	LH.01.06.02.02	VTC PT2923	Bộ động cơ liên hợp giảm tốc	- Type: Cycloid THHM5-319-622; $i = 1:319$ - Động cơ 5HP-3.7kW/4P/400V/50Hz - Thiết bị phải tương thích hoàn toàn và thay thế trực tiếp cho thiết bị hiện hữu đang sử dụng trong hệ thống mà không yêu cầu cải tạo, điều chỉnh phần cứng, phần mềm, hay viết lại giao diện điều khiển.	TRANSCYKO	Bộ	1				



29	PLH.TTĐ1	LH.01.06.03	VTC SC.517124.93	Bộ động cơ liên hộp giảm tốc	- Type: MHF 97; tỉ số truyền 1/40; đường kính trục 60mm; chiều cao tâm trục 225mm; khoảng cách bulong chân đế 310x250mm - Động cơ mặt bích TECO model AESU-4P-7.5HP (5.5kW); Frame size: 132S; IP55 - Thiết bị phải tương thích hoàn toàn và thay thế trực tiếp cho thiết bị hiện hữu đang sử dụng trong hệ thống mà không yêu cầu cải tạo, điều chỉnh phần cứng, phần mềm, hay viết lại giao diện điều khiển.	CHENTA	Bộ	1					
30	PLH.ĐV1	LH.01.04.03	VTC PT427	Van quay	Model: NRV-250 Năng suất cấp đá: 2.75-11T/Hr Động cơ: 1,5kW/4P/400V/50Hz Tỉ số truyền HGT: 1/43	JAT ENGINEERING	Bộ	1					
31	PLH.ĐV1	LH.01.04.03	VTC PT428	Van quay	Model: NRV-200 Năng suất cấp đá: 11.82T/Hr Động cơ: 0.75kW/4P/400V/50Hz Tỉ số truyền HGT: 1/30	JAT ENGINEERING	Bộ	1					
32	PLH.ĐV1	LH.01.04.04	VTC SC.517127.62	Đầu nén	Mã hiệu: BE250 (hoặc tương đương) Lưu lượng: 70Nm ³ /min(at 27°C) Áp suất: 3500mmAq Tốc độ 1900v/p (Chi tiết theo tài liệu đính kèm)	ANLET - JAPAN	Bộ	1					
33	PH.NĐV	HO.01.12.01.03	VTC+PUMP-NV-S 251FK	Bơm ly tâm nằm ngang	Kubota, Model: NV-S 251FK, lưu lượng 0,3m ³ /phút, áp lực chân không 76kPa, tốc độ 1410 vòng/phút, động cơ 0,75kW, Buồng bơm và cánh bơm bằng vật liệu thép không rỉ (hoặc bơm tương đương)	Kubota - Nhật Bản	Cái	1					
34	PH.NT	HO.01.08.02	VTC+KTPLY10-1	Bộ khuấy hoá chất	Bộ khuấy trộn hoá chất Reduction ratio 10:1, Motor HP: 2.0, Motor speed (RPM): 1000, trục và cánh khuấy bằng inox (hoặc tương đương)	BAHARAT - INDIA	Bộ	1					
35	PH.NT	HO.01.08.02	VTC+KTPLYE10-1	Bộ khuấy hoá chất	Bộ khuấy trộn hoá chất Reduction ratio 10:1, Motor HP: 1.0, Motor speed (RPM): 1000, trục và cánh khuấy bằng inox (hoặc tương đương)	BAHARAT - INDIA	Bộ	1					
36	PH.NT	HO.01.08.02	VTC+KTPAC5-1	Bộ khuấy hoá chất	Bộ khuấy trộn hoá chất Reduction ratio 5:1, Motor HP: 1.5, Motor speed (RPM): 1450, trục và cánh khuấy bằng inox (hoặc tương đương)	BAHARAT - INDIA	Bộ	1					